

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DS-ST

Ngày: 31-3-2023

V/v “Tranh chấp đòi tài sản là tiền
chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nghiêm

2. Bà Lương Thị Thu Hà

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Phạm Hữu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp đòi tài sản là tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số 46/28 Thủ KH, Phường A, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C và ông B là bà Trần Thị Hồng X, sinh năm 1960; Địa chỉ: 102 KA, ấp Vàm K, xã B, huyện TT, tỉnh Long An (có mặt)

(Theo văn bản ủy quyền ngày 22/9/2022)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số 38/9A Sương NA, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn C, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số 84 Lê Hữu N, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An (có mặt)

(Theo văn bản ủy quyền ngày 16/11/2022)

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Đoàn Văn Bé B, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số 46/28 Thủ KH, Phường A, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ba là bà Trần Thị Hồng X, sinh năm 1960; Địa chỉ: 102 KA, ấp Vàm K, xã B, huyện TT, tỉnh Long An (*có mặt*)

(Theo văn bản ủy quyền ngày 11/01/2023)

3.2. Văn phòng công chứng Lê Hữu A (tên cũ là Văn phòng công chứng Lê Văn H) (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 12 Bùi Chí N, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

3.3. Ông Huỳnh Thiện T, sinh năm 1963; (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 100 Quốc lộ 62, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/9/2022, ngày 15/11/2022, đại diện nguyên đơn bà Trần Thị Hồng X trình bày:

Vào ngày 12/01/2018 tại Văn phòng Công chứng Lê Văn H, bà Nguyễn Thị Kim C cùng chồng là ông Đoàn Văn Bé B có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa số 87 và 84 tại phường TK, thành phố Tân An cho bà Nguyễn Thị Bé N, với giá là 180.000.000 đồng, sau khi chuyển nhượng thì bà Bé N đã giao cho bà Kim C được 40.000.000 đồng, còn nợ lại 140.000.000 đồng. Phần nợ lại số tiền này thì giữa các bên không có viết giấy tờ. Cùng ngày 12/01/2018, bà C và ông Bé B có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 611, 609, 610 và 612 tọa lạc tại xã LH, huyện BL, tỉnh Long An cho bà Bé N, với giá là 780.000.000 đồng, sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng bà Bé N đã giao cho bà C được 500.000.000 đồng, các bên có viết giấy tay chốt lại số tiền còn thiếu là 280.000.000 đồng.

Ngày 13/02/2018 tại Văn phòng Công chứng Lê Văn H, bà C và ông Bé B có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 423 và 412 tọa lạc tại xã HP, huyện C, tỉnh Long An cho bà Bé N, với giá là 230.000.000 đồng, bà Bé N đã giao cho bà C được 50.000.000 đồng, các bên có viết giấy tay chốt lại số tiền còn thiếu là 180.000.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng, ông Huỳnh Thiện T là người đứng ra làm giấy tờ, bàn giao đất cho bà Bé N, còn việc giao nhận tiền là do bà C nhận. Bà Bé N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất trên, nên vợ chồng bà C đã nhiều lần yêu cầu bà N trả lại số tiền này, nhưng bà N cố tình lẩn tránh.

Nay bà C khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Tân An yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé N có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn thiếu 650.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/11/2022 bà C yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé N có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà C và ông Bé B tài sản là tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn thiếu 600.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé N do ông Trần Văn Cường đại diện trình bày:

Ông thừa nhận giữa bà Bé N với vợ chồng bà C, ông Bé B có ký các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với đối với phần đất thuộc thửa số 87 và 84 tọa lạc tại phường TK, thành phố Tân An, phần đất thuộc thửa 611, 609, 610 và 612 tại xã LH, huyện BL, tỉnh Long An và thửa số 423 và 412 tại xã HP, huyện C, tỉnh Long An.

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Bé N tại các phiên đối chất ngày 06/02/2023 và ngày 24/02/2023 là bà Bé N đã trả số tiền tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn lại của các thửa đất tại xã LH, huyện BL là 280.000.000 đồng và tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các thửa đất tại xã HP, huyện C là 180.000.000 đồng cho ông Huỳnh Thiện T, vì ông T là người làm giấy tờ và đi bàn giao đất, khi trả cho ông T thì bà Bé N không có lập giấy tờ. Ông thừa nhận chữ ký trong các giấy chốt số nợ giữa bà Kim C với bà Bé N do bà X cung cấp là chữ ký của bà Bé N, ông không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Bé N trong các giấy chốt nợ này.

Ông thừa nhận bà Bé N chỉ còn nợ bà C số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các thửa đất tại phường Tân Khánh là 140.000.000 đồng. Tòa án đã ấn định thời gian cho ông và bà Bé N cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc đã trả số tiền 460.000.000 đồng cho bà C nhưng bà Bé N vẫn không cung cấp được. Bà C khởi kiện yêu cầu bà Bé N trả lại số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn thiếu là 600.000.000 đồng cho vợ chồng bà C thì ông không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đoàn Văn Bé B do bà Nguyễn Thị Hồng X đại diện trình bày: Ông và bà C vẫn còn là vợ chồng hợp pháp, ông thống nhất với lời trình bày của bà C về việc vợ chồng ông có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Bé N vào năm 2018, ông xác định số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà bà Bé N nợ là tài sản chung của vợ chồng ông, do đó ông đồng ý để cho bà C đứng đơn khởi kiện yêu cầu bà Bé N trả lại tài sản là tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông.

2. Văn phòng công chứng Lê Hữu A (tên cũ là Văn phòng công chứng Lê Văn H) có bản trình bày ý kiến như sau: Vào ngày 12/01/2018 và ngày 13/02/2018, văn phòng công chứng có tiếp nhận hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Kim C, ông Đoàn Văn Bé B chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Bé N. Sau khi kiểm tra đầy đủ thủ tục và có sự thống nhất giữa hai bên, văn phòng chứng nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 384, 385 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/01/2018, và hợp đồng số 1394 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/01/2018, việc chứng nhận nêu trên là đúng theo quy định pháp luật. Nay văn phòng công chứng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Văn phòng công chứng xác định không có liên

quan trọng vụ án này và xin vắng mặt tại các phiên làm việc, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Tân An và Tòa án nhân dân các cấp.

3. Ông Huỳnh Thiện T trình bày: Ông thừa nhận vào năm 2018 ông có làm dịch vụ giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim C, sau khi các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng xong, ông dẫn bà Bé N đi xem đất, còn việc giao nhận tiền là bà Bé N giao trực tiếp cho bà C, ông không có nhận tiền của bà Bé N. Ông xin vắng mặt tại các phiên làm việc, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Tân An và Tòa án nhân dân các cấp.

Các bên cam kết ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, thì không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác tại thời điểm hiện tại cho đến khi Tòa án xét xử ở các cấp. Đồng thời, cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm những người khác tham gia tố tụng trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Tân An phát biểu: Về quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Hội đồng xét xử đều tuân theo qui định pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo qui định pháp luật.

Về nội dung: Các bên đều thống nhất giữa bà C, ông Ba và bà Bé N có ký các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng Lê Văn Hữu, vào ngày 12/01/2018 đối với phần đất thuộc thửa số 87 và 84 tọa lạc tại phường TK, thành phố Tân An, phần đất thuộc thửa 611, 609, 610 và 612 tại xã LH, huyện BL, tỉnh Long An và ngày 13/02/2018 đối với phần đất tại thửa số 423 và 412 tại xã HP, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bà Bé N chưa thanh toán xong tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà C.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên tại biên bản đối chất, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, các bên thừa nhận bà Bé N còn nợ lại bà C số tiền 140.000.000 đồng đối với các thửa đất số 87 và 84 tại phường Tân Khánh. Đối với các thửa 611, 609, 610 và 612 tại xã LH, huyện BL bà Bé N đã trả cho bà C được 500.000.000 đồng, số tiền 280.000.000 đồng còn nợ lại thì bà Bé N có viết giấy tay chốt nợ ngày 06/3/2018. Phần đất tại thửa số 423 và 412 tại xã HP, huyện C, các bên có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 13/02/2018 thể hiện số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 230.000.000 đồng, đã giao được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 180.000.000 đồng. Bà Bé N và ông Cường đại diện đều cho rằng số tiền còn nợ lại trong các giấy chốt nợ là 430.000.000 đồng đã được trả cho ông Huỳnh Thiện T, khi trả cho ông T, nhưng bà Bé N không cung cấp được giấy tờ chứng minh.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì bà C yêu cầu bà Bé N trả lại số tiền chuyển nhượng còn thiếu là 650.000.000 đồng, nhưng tại đơn khởi kiện bổ sung và tại các phiên hòa giải bà C yêu cầu bà Bé N trả lại số tiền là 600.000.000 đồng. Do đó cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà C với số tiền 50.000.000đ. Căn cứ vào quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu

bà Bé N trả lại số tiền là 600.000.000 đồng khi thực hiện các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên.

Bị đơn bà Bé N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền chuyển nhượng còn lại trong các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Phường 2, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện: Các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên được ký vào năm 2018. Bị đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất này, nhưng chưa thanh toán số tiền còn lại trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, các bên có lập giấy chốt lại số tiền còn thiếu trong các hợp đồng chuyển nhượng. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên không yêu cầu xem xét thời hiệu khởi kiện vụ án. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tài sản là tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong các hợp đồng chuyển nhượng được ký vào năm 2018, đây là quan hệ đòi tài sản không có áp dụng thời hiệu khởi kiện nên yêu cầu của nguyên đơn còn thời hiệu khởi kiện.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đại diện Văn phòng công chứng Lê Hữu A (tên cũ là Văn phòng công chứng Lê Văn H) là ông Lê Hữu A, ông Huỳnh Thiện T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Các bên đều trình bày thống nhất giữa bà Nguyễn Thị Kim C, ông Đoàn Văn Bé B có ký các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Nguyễn Thị Bé N tại Văn phòng công chứng Lê Văn H (nay là Văn phòng công chứng Lê Hữu A). Đối với phần đất thuộc thửa số 87 và 84 tọa lạc tại phường TK, thành phố Tân An được ký vào ngày 12/01/2018 với giá chuyển nhượng là 180.000.000 đồng, bà Bé N đã giao cho bà C 40.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 140.000.000 đồng (số tiền nợ lại giữa các bên không có lập giấy tờ). Đối với phần đất thuộc thửa 611, 609, 610 và 612 tại xã LH, huyện BL, giá trị chuyển nhượng 780.000.000 đồng, bà Bé N trả cho bà C 500.000.000 đồng, số tiền 280.000.000 đồng còn nợ giữa các bên có viết giấy tay chốt lại vào ngày 06/3/2018. Đối với hợp đồng được ký ngày 13/02/2018 đối với phần đất thuộc thửa số 423 và 412 tại xã HP, huyện C, các bên có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 13/02/2018 thể hiện số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 230.000.000 đồng, đã giao được 50.000.000 đồng, còn nợ lại 180.000.000 đồng.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên đối chất ngày 06/02/2023 và ngày 24/02/2023, bà Bé N và người đại diện theo ủy quyền của bà Bé N là ông

Cường thừa nhận chữ viết và chữ ký trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay ngày 13/02/2018 và tại giấy chốt nợ ngày 06/3/2023 là của bà Bé N, không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký và chữ viết. Đối với phần đất tại phường TK, thành phố Tân An giữa các bên không có lập giấy tờ chốt lại số tiền còn thiếu nhưng bà Bé N thừa nhận chưa trả cho bà C số tiền này là do chưa bán được đất, bà Bé N đồng ý trả lại số tiền 140.000.000 đồng này cho vợ chồng bà C. Còn đối với các phần đất tại xã LH, huyện BL và tại xã HP, huyện C thì bà Bé N đã trả số tiền 460.000.000 đồng cho ông Huỳnh Thiện T, khi trả không có lập giấy tờ. Ông T khẳng định không có nhận tiền của bà Bé N. Bà Xuyên thừa nhận ông T là người đứng ra làm giấy tờ và bàn giao đất, bà C không có ủy quyền cho ông T nhận tiền từ bà Bé N cho vợ chồng bà C, bà Bé N không có trả số tiền nào cho ông T. Tòa án đã ấn định thời gian yêu cầu ông Cường cung cấp, bổ sung các tài liệu chứng minh cho việc bà Bé N đã thanh toán số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn lại 460.000.000 đồng cho bà C nhưng ông Cường và bà Bé N vẫn không cung cấp được. Do đó căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự, có cơ sở xác định bà Bé N còn nợ vợ chồng bà C số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 600.000.000 đồng.

[2.3] Tại phiên tòa ông C yêu cầu bà C bàn giao các thửa đất tại phường TK cho bà Bé N. Bà X khẳng định bên bà C đã bàn giao đất cho bà Bé N và bà Bé N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất này. Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/02/2023 bà Bé N thừa nhận phần đất tại phường TK có 02 lô (thuộc 02 thửa) thì bà đã nhận được 01 lô, còn lô còn lại các bên chưa xác định được ranh nên chưa bàn giao đất, bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này nên bà sẽ làm đơn khởi kiện buộc chủ đất kia và bà C phải bàn giao đất cho bà, không yêu cầu bà C thực hiện việc bàn giao đất cho bà trong vụ án này. Ông C thống nhất với lời trình bày của bà Bé N không yêu cầu bà C bàn giao đất trong vụ án này và đề nghị Tòa án giải quyết theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để buộc bà Bé N trả lại số tiền còn nợ cho vợ chồng bà C là 600.000.000 đồng.

[2.4] Theo nội dung đơn khởi kiện thì bà C yêu cầu bà Bé N trả lại số tiền chuyển nhượng còn thiếu là 650.000.000 đồng, nhưng tại đơn khởi kiện bổ sung và tại phiên tòa hôm nay, bà C yêu cầu bà Bé N trả lại số tiền là 600.000.000 đồng. Do đó cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà C với số tiền 50.000.000 đồng.

[2.5] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn cũng như ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin miễn tạm ứng án phí và thuộc đối tượng được miễn án phí nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 11 và Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C về việc “Tranh chấp đòi tài sản là tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất” với bà Nguyễn Thị Bé N. Buộc bà Nguyễn Thị Bé N phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim C, ông Đoàn Văn Bé B số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trong vụ án này, hàng tháng bà Bé N còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé N trả lại số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

3. Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng). Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C có đơn xin miễn tạm ứng án phí và thuộc đối tượng được miễn án phí nên không phải chịu án phí.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND Thành phố Tân An;
- Chi cục THADS Thành phố Tân An;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Thị Thu Hương

